

Số: 671 /QĐ-SYT

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Cấp mới, cấp lại, thu hồi Giấy phép hành nghề**  
**khám bệnh, chữa bệnh đợt 27 năm 2025**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH BẮC NINH**

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh;*

*Căn cứ Biên bản họp ngày 16/9/2025 của Tổ thư ký thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề, Sở Y tế.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp mới Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho 24 cá nhân đủ điều kiện, thu hồi 02 chứng chỉ hành nghề, gồm các cá nhân sau: (Có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Các cá nhân được cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng phạm vi hành nghề, thời hạn hành nghề và tuân thủ các quy định hiện hành đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Trưởng các Phòng thuộc Sở và các cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc SYT (để b/c);
- Các đơn vị trực thuộc SYT;
- Các cơ sở KBCB tư nhân;
- Công TTĐT SYT (đăng tải);
- Lưu VT, QLHN.

**KT GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Thu Hương**



**Phụ lục**  
**DANH SÁCH CẤP MỚI, CẤP LẠI, THU HỒI GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH**  
**ĐỢT 27 NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 671/QĐ-SYT ngày 16/9/2025 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>PVHN đề nghị cấp</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Thu hồi CCHN/GP HN cũ</i>
1	DƯƠNG ÁNH NHI	13/12/2000	020300000275	08/04/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	000677/BN-GPHN	16/9/2025	16/9/2030	
2	TẠ THANH TÚ	02/07/1993	024093020169	25/06/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000678/BN-GPHN	16/9/2025	16/9/2030	008214/BG-CCHN cấp ngày 27/9/2021
2	HOÀNG THỊ THU TRANG	30/03/2002	024302003229	07/09/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật Y	Xét nghiệm y học	000679/BN-GPHN	16/9/2025	16/9/2030	
4	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	30/09/1995	027095008840	13/08/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	000680/BN-GPHN	16/9/2025	16/9/2030	
5	PHẠM LINH CHI	12/09/2002	024302011044	25/04/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000681/BN-GPHN	16/9/2025	16/9/2030	
6	TRẦN NGỌC LUÂN	06/09/2000	027200000205	09/07/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y học cổ truyền	000682/BN-GPHN	16/9/2025	16/9/2030	
7	NGUYỄN THỊ CHÂM	13/09/1981	024181002589	25/04/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000683/BN-GPHN	16/9/2025	16/9/2030	0003697/BG-CCHN cấp ngày

											01/4/2015
8	PHẠM PHÚ TRIỆU	04/09 /2002	027202 000346	25/03 /2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật y	Hình ảnh y học	000684/BN -GPHN	16/9/2025	16/9/2030	
9	NGUYỄN TRỌNG TẤN	08/10 /1989	024089 018560	22/12 /2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y học dự phòng	000685/BN -GPHN	16/9/2025	16/9/2030	
10	NGUYỄN ĐỨC HƯỚNG	20/02 /1984	027084 008491	12/03 /2024	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y học cổ truyền	000686/BN -GPHN	16/9/2025	16/9/2030	
11	PHAN THỊ LAN	17/04 /1991	024191 008113	17/12 /2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000687/BN -GPHN	16/9/2025	16/9/2030	
12	TRẦN THÚY NGA	18/11 /1989	027189 005748	25/06 /2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Y sĩ	Y học cổ truyền	000688/BN -GPHN	16/9/2025	16/9/2030	
13	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	18/01 /1998	027098 006762	07/08 /2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	000689/BN -GPHN	16/9/2025	16/9/2030	
14	THÂN THỊ THẢO	02/08 /2001	024300 010915	25/04 /2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000690/BN -GPHN	16/9/2025	16/9/2030	
15	HOÀNG THỊ XUÂN	06/12 /2003	024303 004618	11/04 /2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000691/BN -GPHN	16/9/2025	16/9/2030	

16	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	30/08 /1991	024091 019582	14/08 /2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y học dự phòng	000692/BN -GPHN	16/9/2025	16/9/2030	
17	HOÀNG THỊ MÂY	11/10 /2001	024301 002684	13/07 /2023	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000693/BN -GPHN	16/9/2025	16/9/2030	
18	NGHIÊM ĐÌNH ĐƯỢC	23/04 /1994	027094 000754	29/03 /2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	000694/BN -GPHN	16/9/2025	16/9/2030	
19	NGÔ VĂN THƯỜNG	04/10 /2001	027201 002874	09/05 /2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000695/BN -GPHN	16/9/2025	16/9/2030	
20	NGÔ THỊ HÀ VÂN	15/12 /2000	027300 009158	16/04 /2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	000696/BN -GPHN	16/9/2025	16/9/2030	
21	NGUYỄN THỊ HỒNG	06/12 /2000	027300 006004	09/05 /2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	000697/BN -GPHN	16/9/2025	16/9/2030	
22	DƯƠNG THẾ HÙNG	17/01 /2000	024200 001260	22/01 /2025	Bộ Công an	Y sĩ	Y học cổ truyền	000698/BN -GPHN	16/9/2025	16/9/2030	
23	TRẦN THỊ DUYÊN	17/05 /2000	027300 009727	26/09 /2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	000699/BN -GPHN	16/9/2025	16/9/2030	
24	LÊ THỊ MAI LINH	23/09 /2000	027300 009352	09/10 /2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	000700/BN -GPHN	16/9/2025	16/9/2030	